

Phụ lục

DANH MỤC MÃ ĐỊNH DANH HỌC LIỆU – MÔN TIẾNG ANH

(Kèm theo Quyết định số /QĐ-SGDDT ngày tháng năm 2025 của Sở Giáo dục và Đào tạo Thành phố Hồ Chí Minh)

ĐVKT1	ĐVKT2	KỸ NĂNG NGÔN NGỮ	MÃ ĐỊNH DANH
TIẾNG ANH 1			
Em và những người bạn của em	Màu sắc	Nghe - Nghe các chữ cái đã học (khoảng 13 chữ cái). - Nghe các âm cơ bản đã học.	190101.0101a
	Các con vật		190101.0102a
Em và trường học của em	Đồ vật trong lớp	- Nghe các số đếm trong phạm vi 10. - Nghe các từ và cụm từ gần gũi với hoạt động của học sinh trong ngữ cảnh (trong phạm vi khoảng 35 - 70 từ quen thuộc). - Nghe và phản hồi phi ngôn ngữ trong một số tình huống giao tiếp rất đơn giản khi đã được thực hành nhiều lần. - Nghe và thực hiện theo các hướng dẫn rất đơn giản trong lớp học khi đã được thực hành nhiều lần. - Nghe và phản hồi bằng tiếng Anh trong một số tình huống hỏi đáp rất quen thuộc khi đã được thực hành nhiều lần.	190101.0201a
	Đồ chơi		190101.0202a
Em và gia đình em	Hoạt động hàng ngày		190101.0301a
	Số đếm		190101.0302a
	Hoạt động trong lớp/gia đình		190101.0303a
Em và thế giới quanh em	Ngôi nhà	Nói - Nhắc lại một số cụm từ, câu đơn giản, bài đọc về, bài hát phù hợp với lứa tuổi. - Nói các từ quen thuộc chỉ sự vật trong ngữ cảnh (trong phạm vi khoảng 35-70 từ quen thuộc). - Nghe và nhắc lại các âm cơ bản đã học. - Trả lời đơn giản, có thể chỉ ở cấp độ từ hoặc cụm từ, các câu hỏi rất đơn giản trong các tình huống giao tiếp đơn giản hoạt động hàng ngày Đọc	190101.0401a
	Các loại quả/đồ ăn		190101.0402a
	Bộ phận cơ thể		190101.0403a

ĐVKT1	ĐVKT2	KỸ NĂNG NGÔN NGỮ	MÃ ĐỊNH DANH
		- Đọc thành lời các từ và một số cụm từ quen thuộc, đơn giản và cụ thể. Viết - Tô hoặc chép lại chữ cái trong từ. - Viết chữ cái trong từ	
13 chữ cái			190101.0501a
Một số âm đơn giản ở vị trí bắt đầu của từ		Một số âm cơ bản (nguyên âm, phụ âm đứng đầu và cuối của từ), tên các chữ cái trong bảng chữ cái trong chương trình học.	190101.0601a
TIẾNG ANH 2			
Em và những người bạn của em	Cảm xúc	Nghe - Nghe và nhận biết các chữ cái đã học (khoảng 13 chữ cái). - Nghe và nhận biết các âm đã học ở vị trí bắt đầu hoặc kết thúc của từ.	190102.0101a
	Hoạt động ở sân chơi		190102.0102a
Em và trường học của em	Hoạt động trong lớp	- Nghe hiểu các số đếm trong phạm vi 20. - Nghe hiểu các từ và cụm từ gần gũi với hoạt động của học sinh trong ngữ cảnh (thêm khoảng 35 - 70 từ so với lớp 1). - Nghe hiểu và phản hồi phi ngôn ngữ trong một số tình huống giao tiếp đơn giản. - Nghe hiểu và thực hiện theo các hướng dẫn đơn giản trong lớp học. - Nghe hiểu và tham gia vào các hoạt động trên lớp có chỉ dẫn bằng tiếng Anh. - Nghe hiểu và phản hồi bằng tiếng Anh trong một số tình huống hỏi đáp quen thuộc.	190102.0201a
	Hình cơ bản		190102.0202a
	Ngày trong tuần		190102.0203a
	Trò chơi trong lớp học		190102.0204a
Em và gia đình em	Số đếm		190102.0301a
	Quần áo		190102.0302a
	Động vật		190102.0401a

ĐVKT1	ĐVKT2	KỸ NĂNG NGÔN NGỮ	MÃ ĐỊNH DANH
Em và thế giới quanh em	Phương tiện giao thông	Nói - Nhắc lại một số cụm từ, câu đơn giản, bài vè, bài hát phù hợp với lứa tuổi. - Nói các từ quen thuộc chỉ sự vật trong ngữ cảnh (thêm khoảng 35 - 70 từ so với lớp 1). - Nghe và nhắc lại các âm cơ bản đã học. - Trả lời các câu hỏi đơn giản quen thuộc gắn liền với trải nghiệm của học sinh, có thể ở cấp độ từ hoặc câu đơn giản. - Đưa ra một số chỉ dẫn quen thuộc khi tham gia vào các hoạt động đơn giản trên lớp. Đọc - Đọc thành lời các từ và một số cụm từ quen thuộc, đơn giản và cụ thể. - Đọc hiểu nội dung chính của một cụm từ hoặc câu ngắn. Viết - Tô hoặc chép lại chữ cái trong từ. - Viết chữ cái trong từ. - Viết được từ rất đơn giản.	190102.0402a
13 chữ cái			190102.0501a
Một số âm đơn giản ở vị trí bắt đầu và kết thúc của từ		Một số âm cơ bản (nguyên âm, phụ âm đứng đầu và cuối của từ), tên các chữ cái trong bảng chữ cái trong chương trình học.	190102.0601a
TIẾNG ANH 3			
Em và những người bạn của em	Bản thân	Nghe	190103.0101a
	Những người bạn của em	- Nghe hiểu các từ và cụm từ quen thuộc, đơn giản. - Nghe hiểu và làm theo những chỉ dẫn rất đơn giản trong lớp học.	190103.0102a

ĐVKT1	ĐVKT2	KỸ NĂNG NGÔN NGỮ	MÃ ĐỊNH DANH
	Sở thích	- Nghe và trả lời các câu hỏi rất đơn giản về các chủ đề quen thuộc được nói chậm và rõ ràng.	190103.0103a
Em và trường học của em	Trường học của em	- Nghe hiểu các đoạn hội thoại ngắn, rất đơn giản khoảng 20 - 30 từ về các chủ đề quen thuộc được nói chậm và rõ ràng.	190103.0201a
	Lớp học của em	Nói	190103.0202a
	Đồ dùng học tập	- Nói các từ và cụm từ quen thuộc, đơn giản.	190103.0203a
	Ngôi nhà của em	- Hỏi và trả lời các câu hỏi rất đơn giản về bản thân và những người khác.	190103.0301a
Em và gia đình em	Phòng và đồ vật trong nhà	- Hỏi và trả lời các câu hỏi thường dùng trong lớp học.	190103.0302a
	Thành viên trong gia đình	- Nói về một số chủ đề quen thuộc, sử dụng các từ và cụm từ rất đơn giản (có sự trợ giúp).	190103.0303a
	Đồ chơi của em	Đọc	190103.0401a
Em và thế giới quanh em	Động vật	- Đọc đúng chữ cái trong bảng chữ cái, chữ cái trong từ.	190103.0402a
	Màu sắc yêu thích	- Đọc hiểu nghĩa các từ và cụm từ quen thuộc, rất đơn giản.	190103.0403a
		- Đọc hiểu các câu ngắn, rất đơn giản.	
		- Đọc hiểu các văn bản ngắn, rất đơn giản khoảng 30 - 40 từ về các chủ đề trong nội dung Chương trình.	
		Viết	
		- Viết các từ, cụm từ rất đơn giản.	
		- Điền thông tin cá nhân vào các mẫu rất đơn giản (tên, địa chỉ...).	
		- Viết các văn bản ngắn khoảng 10 - 20 từ (có gợi ý) trong phạm vi các chủ đề trong Chương trình.	
Nguyên âm đơn		Nội dung dạy học ngữ âm ở cấp tiểu học được thể hiện trong hai lĩnh vực: ngôn ngữ nói và ngôn ngữ viết.	190103.0501a
Nguyên âm đôi			190103.0601a
Phụ âm			190103.0701a

ĐVKT1	ĐVKT2	KỸ NĂNG NGÔN NGỮ	MÃ ĐỊNH DANH
Tổ hợp phụ âm		- Ngôn ngữ nói: các nguyên âm, phụ âm và một số tổ hợp phụ âm; trọng âm từ, trọng âm câu và ngữ điệu cơ bản. - Ngôn ngữ viết: mối quan hệ tương ứng giữa âm thanh và chữ viết để đánh vần, đọc và viết đúng những từ, ngữ đã học	190103.0801a
Thì hiện tại đơn		Nội dung dạy học ngữ pháp ở cấp tiểu học bao gồm các cấu trúc phục vụ phát triển năng lực giao tiếp ở Bậc 1 như câu trần thuật, câu hỏi, câu mệnh lệnh, câu khẳng định, câu phủ định, câu đơn, thì hiện tại đơn, thì hiện tại tiếp diễn, thì quá khứ đơn, thì tương lai đơn, động từ tình thái, danh từ số ít, danh từ số nhiều, đại từ nhân xưng, đại từ chỉ định, đại từ nghi vấn, tính từ sở hữu, đại từ sở hữu, trạng từ, số đếm, số thứ tự, giới từ thông dụng, liên từ thông dụng, mạo từ...	190103.0901a
Thì hiện tại tiếp diễn			190103.1001a
Câu đơn			190103.1101a
Đại từ chỉ định: this/that/these/those			190103.1201a
There is/There are			190103.1301a
Câu hỏi có từ để hỏi: what, where, who, how, how old...			190103.1401a
Câu hỏi nghi vấn (Yes/No question)			190103.1501a
Câu mệnh lệnh: Stand up, please. Don't talk, please,...			190103.1601a
Động từ tình thái: may, can			190103.1701a

ĐVKT1	ĐVKT2	KỸ NĂNG NGÔN NGỮ	MÃ ĐỊNH DANH
Đại từ nhân xưng: I, you, he, she, it, we, they			190103.1801a
Tính từ sở hữu: my, your, his, her, its, our, their			190103.1901a
Danh từ (số ít, số nhiều): pen(s), book(s), chair(s), ...			190103.2001a
Tính từ miêu tả: big, small, new, old, ...			190103.2101a
TIẾNG ANH 4			
Em và những người bạn của em	Bản thân và bạn bè	Nghe - Nghe hiểu và làm theo những chỉ dẫn đơn giản trong lớp học. - Nghe hiểu và làm theo những chỉ dẫn đơn giản được truyền đạt chậm và rõ ràng. - Nghe và trả lời các câu hỏi rất đơn giản về các chủ đề quen thuộc. - Nghe hiểu các đoạn hội thoại ngắn, rất đơn giản khoảng 35 - 40 từ về các chủ đề quen thuộc. Nói - Nói các cụm từ và các câu đơn giản. - Nói các chỉ dẫn và đề nghị ngắn gọn, đơn giản.	190104.0101a
	Những việc có thể làm		190104.0102a
	Hoạt động hàng ngày		190104.0103a
	Thói quen, sở thích		190104.0104a
Em và trường học của em	Hoạt động học tập ở trường		190104.0201a

ĐVKT1	ĐVKT2	KỸ NĂNG NGÔN NGỮ	MÃ ĐỊNH DANH
	Hoạt động ngoại khóa ở trường	- Hỏi và trả lời các câu hỏi đơn giản về chủ đề trong nội dung Chương trình.	190104.0202a
Em và gia đình em	Ngoại hình, nghề nghiệp của các thành viên trong gia đình	- Nói về một số chủ đề quen thuộc, sử dụng các từ và cụm từ đơn giản (có sự trợ giúp). Đọc - Đọc các câu ngắn và đơn giản. - Đọc hiểu các câu ngắn, đơn giản về chủ đề quen thuộc.	190104.0301a
	Hoạt động của các thành viên trong gia đình	- Đọc hiểu các đoạn văn bản ngắn, đơn giản khoảng 45 - 55 từ về các chủ đề trong Chương trình.	190104.0302a
Em và thế giới quanh em	Động vật	Viết - Viết các câu trả lời rất đơn giản.	190104.0401a
	Chỉ đường và biển chỉ dẫn	- Điền thông tin vào các mẫu đơn giản (thời khoá biểu, thiệp sinh nhật, nhãn vở, ...).	190104.0402a
	Thời tiết	- Viết các văn bản ngắn, rất đơn giản khoảng 20 - 30 từ (có gợi ý) về các chủ đề quen thuộc.	190104.0403a
Nguyên âm đơn		Nội dung dạy học ngữ âm ở cấp tiểu học được thể hiện trong hai lĩnh vực: ngôn ngữ nói và ngôn ngữ viết. - Ngôn ngữ nói: các nguyên âm, phụ âm và một số tổ hợp phụ âm; trọng âm từ, trọng âm câu và ngữ điệu cơ bản. - Ngôn ngữ viết: mối quan hệ tương ứng giữa âm thanh và chữ viết để đánh vần, đọc và viết đúng những từ, ngữ đã học	190104.0501a
Phụ âm			190104.0601a
Tổ hợp phụ âm			190104.0701a
Trọng âm từ			190104.0801a
Thì hiện tại đơn (củng cố và mở rộng)		Nội dung dạy học ngữ pháp ở cấp tiểu học bao gồm các cấu trúc phục vụ phát triển năng lực giao tiếp ở Bậc 1 như câu trần thuật, câu hỏi, câu mệnh lệnh, câu khẳng định, câu phủ định, câu đơn, thì hiện tại đơn, thì hiện tại	190104.0901a

ĐVKT1	ĐVKT2	KỸ NĂNG NGÔN NGỮ	MÃ ĐỊNH DANH
Thì hiện tại tiếp diễn (củng cố và mở rộng)		tiếp diễn, thì quá khứ đơn, thì tương lai đơn, động từ tình thái, danh từ số ít, danh từ số nhiều, đạitừ nhân xưng, đại từ chỉ định, đại từ nghi vấn, tính từ sở hữu, đại từ sở hữu, trạng từ, số đếm, số thứ tự, giới từ thông dụng, liên từ thông dụng, mạo từ...	190104.1001a
Thì quá khứ đơn			190104.1101a
Câu đơn			190104.1201a
Câu hỏi có từ để hỏi			190104.1301a
Câu hỏi nghi vấn (Yes/No question)			190104.1401a
Động từ tình thái: can, would			190104.1501a
Đại từ chỉ định (củng cố và mở rộng)			190104.1601a
Liên từ: and, but, or, because			190104.1701a
Giới từ: with, near, behind, next to, opposite, by,...			190104.1801a
TIẾNG ANH 5			
Em và những người bạn của em	Bản thân và bạn bè	Nghe - Nghe và nhận biết trọng âm từ.	190105.0101a
	Nơi em sinh sống	- Nghe hiểu và làm theo những chỉ dẫn đơn giản.	190105.0102a
	Sở thích, ước mơ	- Nghe và trả lời các câu hỏi đơn giản về các chủ đề trong Chương trình.	190105.0103a

ĐVKT1	ĐVKT2	KỸ NĂNG NGÔN NGỮ	MÃ ĐỊNH DANH
Em và trường học của em	Môn học và hoạt động yêu thích ở trường	- Nghe hiểu các đoạn hội thoại, độc thoại ngắn, cấu trúc đơn giản khoảng 45 - 60 từ về các chủ đề trong Chương trình. - Nghe hiểu nội dung chính các câu chuyện ngắn rất đơn giản về các chủ đề quen thuộc (có sự trợ giúp). Nói - Nói các câu chỉ dẫn và đề nghị; khởi đầu và trả lời những câu lệnh đơn giản trong và ngoài lớp học. - Hỏi và trả lời những câu hỏi đơn giản về những chủ đề quen thuộc như bản thân, gia đình, trường học, ... hoặc liên quan đến nhu cầu giao tiếp tối thiểu hằng ngày. - Nói về một số chủ đề trong Chương trình (có sự trợ giúp). - Trả lời các câu hỏi trực tiếp trong những phỏng vấn đơn giản với tốc độ nói chậm và rõ ràng về những chủ đề quen thuộc Đọc - Đọc những đoạn văn bản ngắn, đơn giản đã được chuẩn bị trước về những chủ đề quen thuộc như bạn bè, gia đình, nhà trường, ... - Đọc hiểu các đoạn văn bản ngắn, đơn giản khoảng 60 - 80 từ về các chủ đề quen thuộc. - Đọc hiểu các thông điệp ngắn, đơn giản trên bưu thiếp; các chỉ dẫn ngắn, đơn giản. Viết - Viết các cụm từ, câu đơn giản về các chủ đề quen thuộc như bản thân, gia đình, trường học, bạn bè, ... - Viết các đoạn văn bản ngắn, đơn giản khoảng 30 - 40 từ (có gợi ý) về các chủ đề quen thuộc. - Viết hoặc điền thông tin vào biểu bảng đơn giản, tin nhắn, ...	190105.0201a
	Nghề nghiệp		190105.0202a
Em và gia đình em	Kỳ nghỉ, lễ hội		190105.0301a
	Các món ăn và đồ uống		190105.0302a
Em và thế giới quanh em	Mùa và thời tiết		190105.0401a
	Sức khỏe và các bệnh thường gặp		190105.0402a
	Phương tiện giao thông		190105.0403a
	Danh lam thắng cảnh		190105.0404a

ĐVKT1	ĐVKT2	KỸ NĂNG NGÔN NGỮ	MÃ ĐỊNH DANH
Trọng âm từ		Nội dung dạy học ngữ âm ở cấp tiểu học được thể hiện trong hai lĩnh vực: ngôn ngữ nói và ngôn ngữ viết. - Ngôn ngữ nói: các nguyên âm, phụ âm và một số tổ hợp phụ âm; trọng âm từ, trọng âm câu và ngữ điệu cơ bản. - Ngôn ngữ viết: mối quan hệ tương ứng giữa âm thanh và chữ viết để đánh vần, đọc và viết đúng những từ, ngữ đã học	190105.0501a
Nhịp điệu			190105.0502a
Ngữ điệu			190105.0503a
Thì quá khứ đơn (củng cố và mở rộng)		Nội dung dạy học ngữ pháp ở cấp tiểu học bao gồm các cấu trúc phục vụ phát triển năng lực giao tiếp ở Bậc 1 như câu trần thuật, câu hỏi, câu mệnh lệnh, câu khẳng định, câu phủ định, câu đơn, thì hiện tại đơn, thì hiện tại tiếp diễn, thì quá khứ đơn, thì tương lai đơn, động từ tình thái, danh từ số ít, danh từ số nhiều, đại từ nhân xưng, đại từ chỉ định, đại từ nghi vấn, tính từ sở hữu, đại từ sở hữu, trạng từ, số đếm, số thứ tự, giới từ thông dụng, liên từ thông dụng, mạo từ...	190105.0601a
Thì tương lai đơn			190105.0602a
Câu hỏi có từ để hỏi			190105.0603a
Câu hỏi nghi vấn (Yes/No question) (củng cố và mở rộng)			190105.0604a
Động từ tình thái: should, could, would			190105.0605a
Tính từ chỉ tính chất đơn giản			190105.0606a
Trạng từ (chỉ cách thức hành động): fast, hard, well,...; Trạng từ (chỉ tần suất): always,			190105.0607a

ĐVKT1	ĐVKT2	KỸ NĂNG NGÔN NGỮ	MÃ ĐỊNH DANH
usually, often, never, ...			
Giới từ: by, on,...			190105.0608a
TIẾNG ANH 6			
Cộng đồng của chúng ta	Ngôi trường của tôi	Nghe - Nghe và nhận biết âm, trọng âm, ngữ điệu và nhịp điệu trong các câu ngắn và đơn giản khác nhau.	190106.0101a
	Nơi tôi sinh sống	- Nghe hiểu các chỉ dẫn ngắn, đơn giản sử dụng trong các hoạt động học tập trong lớp học.	190106.0102a
	Những người bạn của tôi	- Nghe hiểu phần lớn nội dung chính, một số nội dung tương đối chi tiết các đoạn hội thoại, độc thoại đơn giản khoảng 80 - 100 từ về các chủ đề trong Chương trình; nghe hiểu được phần lớn nội dung chính các câu chuyện đơn giản về các chủ đề quen thuộc.	190106.0103a
	Môi trường địa phương	Nói	190106.0104a
	Dịch vụ cộng đồng	- Phát âm tương đối chính xác các âm, trọng âm, ngữ điệu và nhịp điệu trong các câu ngắn và đơn giản khác nhau.	190106.0105a
Di sản của chúng ta	Những kỳ quan trong nước	- Nói các chỉ dẫn ngắn, đơn giản sử dụng trong lớp học; những câu đơn giản về các chủ đề quen thuộc (có gợi ý và hỗ trợ).	190106.0201a
	Lễ hội	- Hỏi và trả lời ngắn gọn về các chủ đề trong Chương trình như nhà trường, bạn bè, lễ hội, danh lam thắng cảnh, ...	190106.0202a
Thế giới của chúng ta	Vô tuyến truyền hình	Độc	190106.0301a
	Các thành phố trên thế giới	- Đọc hiểu nội dung chính, nội dung tương đối chi tiết các đoạn hội thoại, độc thoại đơn giản về các chủ đề trong Chương trình.	190106.0302a
Tầm nhìn tương lai	Nhà ở trong tương lai	- Đọc hiểu phần lớn nội dung chính các thư cá nhân, thông báo, đoạn văn ngắn, đơn giản khoảng 100 - 120 từ thuộc phạm vi các chủ đề quen thuộc (có thể có một số từ, cấu trúc mới).	190106.0401a

ĐVKT1	ĐVKT2	KỸ NĂNG NGÔN NGỮ	MÃ ĐỊNH DANH
		Viết - Viết (có hướng dẫn và hỗ trợ) một đoạn văn ngắn, đơn giản khoảng 30 - 50 từ về các chủ đề trong Chương trình. - Viết thư, bưu thiếp, tin nhắn hoặc ghi chép cá nhân ngắn, đơn giản liên quan đến nhu cầu giao tiếp hằng ngày trong phạm vi các chủ đề trong Chương trình.	
Nguyên âm	Nguyên âm đơn	Nội dung dạy học ngữ âm ở cấp trung học cơ sở bao gồm: các nguyên âm đơn, nguyên âm đôi, bán nguyên âm, phụ âm, tổ hợp phụ âm; trọng âm từ, trọng âm câu, nhịp điệu và ngữ điệu câu cơ bản.	190106.0501a
	Nguyên âm đôi		190106.0502a
Phụ âm	Phụ âm		190106.0601a
	Tổ hợp phụ âm		190106.0602a
Trọng âm	Trọng âm từ		190106.0701a
	Trọng âm câu		190106.0702a
Ngữ điệu cơ bản	Nhịp điệu và ngữ điệu		190106.0801a
Các thì	Thì hiện tại đơn (củng cố)	Nội dung dạy học ngữ pháp ở cấp trung học cơ sở tiếp tục củng cố và mở rộng các nội dung đã học ở cấp tiểu học và bao gồm các cấu trúc phục vụ phát triển năng lực giao tiếp ở Bậc 2 như câu trần thuật, câu hỏi, câu mệnh lệnh, câu cảm thán, câu khẳng định, câu phủ định, câu đơn, câu ghép đơn giản, câu điều kiện (loại 1), mệnh đề quan hệ, thì hiện tại đơn, thì hiện tại tiếp diễn, thì quá khứ đơn, thì quá khứ tiếp diễn, thì tương lai đơn, thì tương lai gần, động từ tình thái, động từ nguyên thể, danh động từ, tính động từ, danh từ đếm được, danh từ không đếm được, sở hữu cách của danh từ, số thứ tự, so sánh tính từ, đại từ chỉ định, đại từ nghi vấn, đại từ quan hệ, đại	190106.0901a
	Thì hiện tại tiếp diễn (củng cố)		190106.0902a
	Thì tương lai đơn (củng cố)		190106.0903a
	Thì quá khứ đơn (củng cố)		190106.0904a
Cấu trúc câu	Câu đơn		190106.1001a

ĐVKT1	ĐVKT2	KỸ NĂNG NGÔN NGỮ	MÃ ĐỊNH DANH
	Câu ghép	từ phản thân, đại từ sở hữu, giới từ, trạng từ, liên từ, mạo từ xác định, mạo từ không xác định...	190106.1002a
Động từ	Động từ tình thái: should/shouldn't,		190106.1101a
	Might		190106.1102a
Loại câu	Câu hỏi có từ để hỏi		190106.1201a
	Câu hỏi nghi vấn (Yes/No Question)		190106.1202a
	Câu mệnh lệnh: khẳng định/phủ định		190106.1203a
Danh từ	Danh từ: đếm được/không đếm được		190106.1401a
Tính từ	Tính từ		190106.1501a
	Tính từ so sánh tương đối và tuyệt đối		190106.1502a
Sở hữu	Sở hữu cách		190106.1601a
	Đại từ sở hữu: mine, yours, ...		190106.1602a

ĐVKT1	ĐVKT2	KỸ NĂNG NGÔN NGỮ	MÃ ĐỊNH DANH
Lượng từ	Lượng từ không xác định: some, any, ...		190106.1701a
Giới từ	Giới từ chỉ vị trí, thời gian, ...		190106.1801a
Trạng từ	Trạng từ chỉ tần suất		190106.1901a
Liên từ	Liên từ: because, ...		190106.2001a
Mạo từ	Mạo từ: a/an, the		190106.2101a
Câu điều kiện	Câu điều kiện (loại 1)		190106.2201a
TIẾNG ANH 7			
Cộng đồng của chúng ta	Sở thích	Nghe	190107.0101a
	Những vấn đề về sức khỏe	- Nghe và nhận biết âm, trọng âm, ngữ điệu và nhịp điệu trong các câu đơn giản.	190107.0102a
	Dịch vụ cộng đồng	- Nghe hiểu các chỉ dẫn ngắn, đơn giản sử dụng trong các hoạt động học tập trong và ngoài lớp học.	190107.0103a
Di sản của chúng ta	Âm nhạc và nghệ thuật	- Nghe hiểu cơ bản nội dung chính, nội dung chi tiết các đoạn hội thoại, độc thoại đơn giản khoảng 120 - 140 từ về các chủ đề đơn giản trong Chương trình.	190107.0201a
	Thức ăn và đồ uống	Nói - Phát âm tương đối chính xác các âm, trọng âm, ngữ điệu và nhịp điệu trong các câu đơn giản khác nhau.	190107.0202a
	Giáo dục		190107.0301a

ĐVKT1	ĐVKT2	KỸ NĂNG NGÔN NGỮ	MÃ ĐỊNH DANH
Thế giới của chúng ta	Các quốc gia nói tiếng Anh	- Nói các chỉ dẫn ngắn sử dụng trong các hoạt động trong và ngoài lớp học. - Trao đổi các thông tin cơ bản về các chủ đề quen thuộc.	190107.0302a
	Lễ hội trên thế giới		190107.0303a
Tầm nhìn tương lai	Giao thông trong tương lai	Đọc - Đọc hiểu phần lớn nội dung chính, nội dung chi tiết các đoạn hội thoại, độc thoại đơn giản khoảng 120 - 150 từ về các chủ đề trong Chương trình. - Đọc hiểu nội dung chính các mẫu tin, thực đơn, quảng cáo... ngắn, đơn giản thuộc phạm vi chủ đề quen thuộc. Viết - Viết một đoạn văn ngắn, đơn giản, có gợi ý khoảng 40 - 60 từ để mô tả các sự kiện, hoạt động cá nhân liên quan đến các chủ đề trong Chương trình. - Viết thư, bưu thiếp, tin nhắn hoặc ghi chép cá nhân ngắn, đơn giản liên quan đến nhu cầu giao tiếp hằng ngày trong phạm vi các chủ đề trong Chương trình.	190107.0401a
	Các nguồn năng lượng		190107.0402a
Nguyên âm	Nguyên âm đơn	Nội dung dạy học ngữ âm ở cấp trung học cơ sở bao gồm: các nguyên âm đơn, nguyên âm đôi, bán nguyên âm, phụ âm, tổ hợp phụ âm; trọng âm từ, trọng âm câu, nhịp điệu và ngữ điệu câu cơ bản.	190107.0501a
	Nguyên âm đôi		190107.0502a
Phụ âm	Phụ âm		190107.0601a
	Tổ hợp phụ âm		190107.0602a
Trọng âm	Trọng âm từ		190107.0701a
	Trọng âm câu		190107.0702a
Ngữ điệu cơ bản	Nhịp điệu và ngữ điệu		190107.0801a

ĐVKT1	ĐVKT2	KỸ NĂNG NGÔN NGỮ	MÃ ĐỊNH DANH
Các thì	Thì hiện tại đơn (củng cố và mở rộng)	Nội dung dạy học ngữ pháp ở cấp trung học cơ sở tiếp tục củng cố và mở rộng các nội dung đã học ở cấp tiểu học và bao gồm các cấu trúc phục vụ phát triển năng lực giao tiếp ở Bậc 2 như câu trần thuật, câu hỏi, câu mệnh lệnh, câu cảm thán, câu khẳng định, câu phủ định, câu đơn, câu ghép đơn giản, câu điều kiện (loại 1), mệnh đề quan hệ, thì hiện tại đơn, thì hiện tại tiếp diễn, thì quá khứ đơn, thì quá khứ tiếp diễn, thì tương lai đơn, thì tương lai gần, động từ tình thái, động từ nguyên thể, danh động từ, tính động từ, danh từ đếm được, danh từ không đếm được, sở hữu cách của danh từ, số thứ tự, so sánh tính từ, đại từ chỉ định, đại từ nghi vấn, đại từ quan hệ, đại từ phản thân, đại từ sở hữu, giới từ, trạng từ, liên từ, mạo từ xác định, mạo từ không xác định...	190107.0901a
	Thì hiện tại tiếp diễn (củng cố và mở rộng)		190107.0902a
	Thì tương lai đơn (củng cố)		190107.0903a
	Thì quá khứ đơn (củng cố)		190107.0904a
Cấu trúc câu	Câu đơn		190107.1001a
Động từ	Động từ tình thái: should/shouldn't,		190107.1101a
Các loại câu	Câu hỏi nghi vấn (Yes/No question)		190107.1201a
So sánh	Cách so sánh: like, (not) as ... as, different from, ...		190107.1301a
Sở hữu	Đại từ sở hữu: mine, yours, his, ...		190107.1401a
Lượng từ	Lượng từ không xác định: some,		190107.1501a

ĐVKT1	ĐVKT2	KỸ NĂNG NGÔN NGỮ	MÃ ĐỊNH DANH
	lots of, a lot of, ...		
Giới từ	Giới từ chỉ vị trí, thời gian: in, on, at...		190107.1601a
Liên từ	Từ nối: although, however, ...		190107.1701a
Mạo từ	Mạo từ: a/an, the, zero article (củng cố và mở rộng)		190107.1801a
TIẾNG ANH 8			
Cộng đồng của chúng ta	Tuổi thiếu niên	Nghe	190108.0101a
	Hoạt động trong thời gian rảnh rỗi	- Nghe và nhận biết phần lớn âm, trọng âm, ngữ điệu và nhịp điệu trong các câu ghép cơ bản.	190108.0102a
	Cuộc sống ở nông thôn	- Nghe hiểu cơ bản nội dung chính, một số nội dung chi tiết các đoạn hội thoại, độc thoại đơn giản khoảng 120 - 140 từ về các chủ đề trong Chương trình.	190108.0103a
Di sản của chúng ta	Phong tục và tập quán	- Nghe hiểu nội dung chính các thông báo đơn giản, được nói rõ ràng liên quan đến các chủ đề trong Chương trình.	190108.0201a
	Các dân tộc ở Việt Nam	Nói - Phát âm tương đối chính xác các âm, trọng âm, ngữ điệu và nhịp điệu trong các câu ghép cơ bản.	190108.0202a
Thế giới của chúng ta	Thảm họa thiên nhiên	- Nói các chỉ dẫn đơn giản sử dụng trong giao tiếp hằng ngày liên quan đến các chủ điểm đã học.	190108.0301a
	Bảo vệ môi trường	- Tham gia các hội thoại ngắn, đơn giản về các chủ điểm quen thuộc.	190108.0302a

ĐVKT1	ĐVKT2	KỸ NĂNG NGÔN NGỮ	MÃ ĐỊNH DANH
Tầm nhìn tương lai	Khoa học và công nghệ	Đọc - Đọc hiểu nội dung chính, nội dung chi tiết các đoạn hội thoại, độc thoại đơn giản khoảng 150 - 180 từ về các chủ đề quen thuộc. - Đọc hiểu cơ bản nội dung chính, nội dung chi tiết các chỉ dẫn, thông báo, biển báo... ngắn, đơn giản về các chủ đề quen thuộc trong cuộc sống hằng ngày. Viết - Viết (có hướng dẫn) một đoạn văn ngắn, đơn giản về các chủ đề quen thuộc trong cuộc sống hằng ngày. - Viết các hướng dẫn, chỉ dẫn, thông báo, ... ngắn, đơn giản khoảng 60 - 80 từ liên quan đến các chủ đề quen thuộc. - Viết các hướng dẫn, chỉ dẫn, thông báo, ... ngắn, đơn giản khoảng 60 - 80 từ liên quan đến các chủ đề quen thuộc. - Viết (có hướng dẫn) một đoạn văn ngắn, đơn giản về các chủ đề quen thuộc trong cuộc sống hằng ngày.	190108.0401a
	Cuộc sống trên hành tinh khác		190108.0402a
Nguyên âm	Nguyên âm đơn	Nội dung dạy học ngữ âm ở cấp trung học cơ sở bao gồm: các nguyên âm đơn, nguyên âm đôi, bán nguyên âm, phụ âm, tổ hợp phụ âm; trọng âm từ, trọng âm câu, nhịp điệu và ngữ điệu câu cơ bản.	190108.0501a
	Nguyên âm đôi		190108.0502a
Phụ âm	Phụ âm		190108.0601a
	Tổ hợp âm		190108.0602a
Trọng âm	Trọng âm từ		190108.0701a
	Trọng âm câu		190108.0702a
Ngữ điệu cơ bản	Nhịp điệu và ngữ điệu		190108.0801a

ĐVKT1	ĐVKT2	KỸ NĂNG NGÔN NGỮ	MÃ ĐỊNH DANH
Các thì	Thì tương lai đơn (củng cố và mở rộng)	Nội dung dạy học ngữ pháp ở cấp trung học cơ sở tiếp tục củng cố và mở rộng các nội dung đã học ở cấp tiểu học và bao gồm các cấu trúc phục vụ phát triển năng lực giao tiếp ở Bậc 2 như câu trần thuật, câu hỏi, câu mệnh lệnh, câu cảm thán, câu khẳng định, câu phủ định, câu đơn, câu ghép đơn giản, câu điều kiện (loại 1), mệnh đề quan hệ, thì hiện tại đơn, thì hiện tại tiếp diễn, thì quá khứ đơn, thì quá khứ tiếp diễn, thì tương lai đơn, thì tương lai gần, động từ tình thái, động từ nguyên thể, danh động từ, tính động từ, danh từ đếm được, danh từ không đếm được, sở hữu cách của danh từ, số thứ tự, so sánh tính từ, đại từ chỉ định, đại từ nghi vấn, đại từ quan hệ, đại từ phản thân, đại từ sở hữu, giới từ, trạng từ, liên từ, mạo từ xác định, mạo từ không xác định...	190108.0901a
	Thì quá khứ tiếp diễn		190108.0902a
	Thì hiện tại đơn với nghĩa tương lai		190108.0903a
	Thì quá khứ đơn (củng cố)		190108.0904a
Động từ	Động từ (chỉ sự thích) + danh động từ (V-ing)		190108.1001a
	Động từ (chỉ sự thích) + động từ nguyên thể có to		190108.1002a
Các loại câu	Câu hỏi có từ để hỏi, câu hỏi nghi vấn (Yes/No question)		190108.1101a
	Các loại câu: câu đơn/câu nói/câu phức		190108.1102a
	Câu điều kiện loại 1 (củng cố)		190108.1103a

ĐVKT1	ĐVKT2	KỸ NĂNG NGÔN NGỮ	MÃ ĐỊNH DANH
	Câu tường thuật: câu kể, câu hỏi		190108.1104a
Trạng từ	Trạng từ chỉ tần suất		190108.1201a
	Trạng từ so sánh		190108.1202a
Giới từ	Giới từ chỉ vị trí, thời gian		190108.1301a
Danh từ	Danh từ đếm được/không đếm được		190108.1401a
Sở hữu	Đại từ sở hữu		190108.1501a
Mạo từ	Mạo từ: a/an, the, zero article		190108.1601a
TIẾNG ANH 9			
Cộng đồng của chúng ta	Môi trường sống	Nghe - Nghe hiểu các cụm từ, chỉ dẫn và cách diễn đạt đơn giản liên quan tới nhu cầu giao tiếp hằng ngày. - Nghe hiểu cơ bản nội dung chính, nội dung chi tiết các đoạn hội thoại, độc thoại đơn giản khoảng 160 - 180 từ về các chủ đề trong Chương trình. - Nghe hiểu và xác định được những ý chính trong các giao dịch quen thuộc hằng ngày, các thông báo, bản tin, ... ngắn, rõ ràng và đơn giản. Nói - Phát âm rõ ràng, tương đối chính xác âm, trọng âm, ngữ điệu, nhịp điệu các cụm từ và câu.	190109.0101a
	Cuộc sống đô thị		190109.0102a
	Việt Nam - xưa và nay		190109.0103a
Di sản của chúng ta	Cuộc sống trong quá khứ		190109.0201a
	Kỳ quan thiên nhiên		190109.0202a
	Du lịch		190109.0301a

ĐVKT1	ĐVKT2	KỸ NĂNG NGÔN NGỮ	MÃ ĐỊNH DANH
Thế giới của chúng ta	Sống lành mạnh	- Tham gia các hội thoại ngắn, đơn giản về những vấn đề quen thuộc liên quan đến công việc và cuộc sống hằng ngày. - Trình bày ngắn gọn, có chuẩn bị trước các dự án về các chủ đề quen thuộc. - Trao đổi ý kiến, thông tin về những chủ đề quen thuộc bằng các diễn ngôn đơn giản. Đọc - Đọc hiểu các văn bản khoảng 180 - 200 từ về các chủ đề quen thuộc và cụ thể, có thể sử dụng những từ thường gặp trong đời sống hằng ngày. - Đọc hiểu và xác định thông tin cụ thể trong các văn bản liên quan đến các chủ đề về đời sống hằng ngày như quảng cáo, biển báo, thông báo,... các bài báo ngắn mô tả sự kiện. Viết - Viết (có hướng dẫn) một đoạn văn ngắn khoảng 80 - 100 từ về gia đình; viết thư cá nhân, tin nhắn ngắn, đơn giản liên quan các vấn đề thuộc lĩnh vực quan tâm.	190109.0302a
	Tiếng Anh trên thế giới		190109.0303a
Tầm nhìn tương lai	Nghề nghiệp tương lai		190109.0401a
Nguyên âm	Nguyên âm đơn	Nội dung dạy học ngữ âm ở cấp trung học cơ sở bao gồm: các nguyên âm đơn, nguyên âm đôi, bán nguyên âm, phụ âm, tổ hợp phụ âm; trọng âm từ, trọng âm câu, nhịp điệu và ngữ điệu câu cơ bản.	190109.0501a
	Nguyên âm đôi		190109.0502a
Phụ âm	Phụ âm		190109.0601a
	Tổ hợp phụ âm		190109.0602a
Trọng âm	Trọng âm từ		190109.0701a
	Trọng âm câu		190109.0702a
Ngữ điệu cơ bản	Nhịp điệu và ngữ điệu		190109.0801a

ĐVKT1	ĐVKT2	KỸ NĂNG NGÔN NGỮ	MÃ ĐỊNH DANH
Các thì	Thì quá khứ tiếp diễn (củng cố)	Nội dung dạy học ngữ pháp ở cấp trung học cơ sở tiếp tục củng cố và mở rộng các nội dung đã học ở cấp tiểu học và bao gồm các cấu trúc phục vụ phát triển năng lực giao tiếp ở Bậc 2 như câu trần thuật, câu hỏi, câu mệnh lệnh, câu cảm thán, câu khẳng định, câu phủ định, câu đơn, câu ghép đơn giản, câu điều kiện (loại 1), mệnh đề quan hệ, thì hiện tại đơn, thì hiện tại tiếp diễn, thì quá khứ đơn, thì quá khứ tiếp diễn, thì tương lai đơn, thì tương lai gần, động từ tình thái, động từ nguyên thể, danh động từ, tính động từ, danh từ đếm được, danh từ không đếm được, sở hữu cách của danh từ, số thứ tự, so sánh tính từ, đại từ chỉ định, đại từ nghi vấn, đại từ quan hệ, đại từ phản thân, đại từ sở hữu, giới từ, trạng từ, liên từ, mạo từ xác định, mạo từ không xác định...	190109.0901a
	Thì quá khứ đơn với wish		190109.0902a
Động từ	Động từ tình thái với if		190109.0903a
	Động từ tình thái		190109.0904a
	Cụm động từ		190109.0905a
Danh động từ và động từ nguyên thể	Cấu trúc Suggest + danh động từ (V-ing)		190109.1001a
	Danh động từ (V-ing) đi sau một số động từ: like, dislike, love, enjoy, hate, ...		190109.1002a
	Động từ nguyên thể (verb + to infinitive)		190109.1003a
	Từ để hỏi trước động từ nguyên thể có to		190109.1004a
Các loại câu	Câu tường thuật		190109.1101a

ĐVKT1	ĐVKT2	KỸ NĂNG NGÔN NGỮ	MÃ ĐỊNH DANH
Mệnh đề	Mệnh đề phụ chỉ nguyên nhân, kết quả, nhượng bộ		190109.1201a
Quan hệ	Đại từ quan hệ		190109.1301a
	Mệnh đề quan hệ		190109.1401a
TIẾNG ANH 10			
Cuộc sống của chúng ta	Cuộc sống gia đình	Nghe - Nghe hiểu nội dung các cuộc hội thoại hằng ngày được nói rõ ràng. - Nghe hiểu ý chính các đoạn hội thoại, độc thoại khoảng 180 - 200 từ về những chủ đề quen thuộc. - Nghe hiểu những thông tin, chỉ dẫn thông thường Nói - Phát âm rõ ràng, tương đối chính xác các tổ hợp phụ âm, ngữ điệu, nhịp điệu trong câu. - Bắt đầu, duy trì và kết thúc các cuộc hội thoại trực tiếp, đơn giản. - Đồng ý, phản đối một cách lịch sự; đưa ra lời khuyên. Đọc - Đọc hiểu những ý chính của văn bản khoảng 220 - 250 từ về các chủ đề mang tính thời sự và quen thuộc. - Đọc hiểu những thông tin quan trọng trong các tờ thông tin, quảng cáo thường nhật. - Đọc hiểu những thông điệp đơn giản và các thông tin truyền thông về các chủ đề phổ biến.	190110.0101a
	Giải trí		190110.0102a
Xã hội của chúng ta	Phục vụ cộng đồng		190110.0201a
	Các phát minh làm thay đổi thế giới		190110.0202a
	Bình đẳng giới		190110.0203a
Môi trường của chúng ta	Bảo tồn môi trường tự nhiên		190110.0301a
	Du lịch sinh thái		190110.0302a
	Con người và môi trường		190110.0303a
Tương lai của chúng ta	Các phương thức học tập mới		190110.0401a

ĐVKT1	ĐVKT2	KỸ NĂNG NGÔN NGỮ	MÃ ĐỊNH DANH
	Việt Nam và các tổ chức quốc tế	Viết - Viết đoạn văn liền mạch, đơn giản khoảng 120 - 150 từ về các chủ điểm mà cá nhân quan tâm và bày tỏ quan điểm, ý kiến cá nhân. - Viết các thông điệp cá nhân cho bạn bè hoặc người thân, đề nghị cung cấp thông tin và tường thuật các sự kiện liên quan.	190110.0402a
Nguyên âm	Nguyên âm đơn	Nội dung dạy học ngữ âm ở cấp trung học phổ thông bao gồm: các nguyên âm đôi, phụ âm, tổ hợp phụ âm, trọng âm từ, dạng phát âm mạnh và dạng phát âm yếu, tính lược âm, đồng hoá âm, nối âm, trọng âm câu, nhịp điệu, ngữ điệu.	190110.0501a
	Nguyên âm đôi		190110.0502a
Phụ âm	Phụ âm		190110.0601a
	Tổ hợp phụ âm		190110.0602a
Trọng âm	Trọng âm từ có 2 âm tiết		190110.0701a
	Trọng âm từ có 3 âm tiết		190110.0702a
	Trọng âm của từ có nhiều âm tiết		190110.0703a
Các thì	Thì hiện tại đơn vs hiện tại tiếp diễn	Nội dung dạy học ngữ pháp ở cấp trung học phổ thông tiếp tục củng cố và mở rộng các nội dung đã học ở cấp tiểu học và cấp trung học cơ sở, bao gồm các cấu trúc phức vụ phát triển năng lực giao tiếp ở Bậc 3 như mệnh đề quan hệ, câu điều kiện (loại 2 và loại 3), câu chủ động, câu bị động, câu trực tiếp, câu gián tiếp, câu ghép, câu phức, thì hiện tại đơn, thì hiện tại tiếp diễn, thì hiện tại hoàn thành, thì quá khứ đơn, thì quá khứ tiếp diễn, thì quá khứ hoàn thành, thì tương lai đơn, thì tương lai tiếp diễn, thì tương lai gần, liên từ, động từ tình thái, ngữ động từ, thể bị động...	190110.0801a
	Thì hiện tại hoàn thành		190110.0802a
	Thì tương lai với will và be going to		190110.0803a

ĐVKT1	ĐVKT2	KỸ NĂNG NGÔN NGỮ	MÃ ĐỊNH DANH
	Thì quá khứ đơn và quá khứ tiếp diễn với when/while		190110.0804a
Danh động từ và động từ nguyên thể	Động từ nguyên thể có to		190110.0901a
	Động từ nguyên thể không có to		190110.0902a
	Danh động từ và động từ nguyên thể (dùng để mô tả)		190110.0903a
Câu bị động	Câu bị động thường		190110.1001a
	Câu bị động với động từ tình thái		190110.1002a
Cấu trúc câu	Câu ghép		190110.1101a
Mệnh đề quan hệ	Mệnh đề quan hệ xác định		190110.1201a
	Mệnh đề quan hệ không xác định		190110.1202a
Câu điều kiện	Loại 1		190110.1301a
	Loại 2		190110.1302a
Câu tường thuật			190110.1401a

ĐVKT1	ĐVKT2	KỸ NĂNG NGÔN NGỮ	MÃ ĐỊNH DANH
Tính từ	Tính từ so sánh hơn		190110.1501a
	Tính từ so sánh nhất		190110.1502a
	Tính từ chỉ thái độ		190110.1503a
Mạo từ	Mạo từ xác định		190110.1601a
	Mạo từ không xác định		190110.1602a
TIẾNG ANH 11			
Cuộc sống của chúng ta	Lối sống lành mạnh	Nghe - Nghe hiểu những ý chính của các đoạn hội thoại, độc thoại khoảng 200 - 230 từ về những chủ đề mà cá nhân quan tâm trong phạm vi Chương trình. - Nghe hiểu những ý chính trong các cuộc thảo luận, với điều kiện nội dung thảo luận được trình bày rõ ràng. Xã hội của chúng ta - Nghe bản tường thuật ngắn và đưa ra các giả thuyết về những điều sẽ xảy ra tiếp theo. Nói - Phát âm rõ ràng, tương đối chính xác trọng âm, nối âm, ngữ điệu, nhịp điệu các câu khác nhau. - Bắt đầu, duy trì và kết thúc một cuộc hội thoại; thảo luận về các chủ đề trong Chương trình. - Đưa ra những chỉ dẫn chi tiết.	190111.0101a
	Khoảng cách thế hệ		190111.0102a
	Cuộc sống tự lập		190111.0103a
Xã hội của chúng ta	Các vấn đề xã hội		190111.0201a
	Việt Nam và ASEAN		190111.0202a
Môi trường của chúng ta	Sự nóng lên toàn cầu		190111.0301a
	Bảo tồn di sản thế giới		190111.0302a
	Hệ sinh thái		190111.0303a

ĐVKT1	ĐVKT2	KỸ NĂNG NGÔN NGỮ	MÃ ĐỊNH DANH
Tương lai của chúng ta	Giáo dục trong tương lai	- Trình bày các dự án một cách cơ bản, có chuẩn bị trước về các chủ đề trong Chương trình.	190111.0401a
	Sức khỏe và tuổi thọ	Đọc - Đọc hiểu các ý chính, nội dung chi tiết của văn bản khoảng 250 - 280 từ về các chủ đề mang tính thời sự và quen thuộc.	190111.0402a
	Tương lai của các thành phố	- Đọc hiểu các ý chính, nội dung chi tiết các bản tin, bài báo,... về các chủ đề hoặc sự kiện mang tính thời sự và hiểu toàn bộ ý nghĩa của văn bản. - Đọc lướt các văn bản ngắn để tìm kiếm các sự kiện và thông tin cần thiết. Viết - Viết văn bản (có mở đầu, thân bài, kết luận) khoảng 150 - 180 từ về các chủ đề quen thuộc. - Viết thư cá nhân yêu cầu cung cấp thông tin hoàn chỉnh và chi tiết về sản phẩm hoặc dịch vụ. - Viết để truyền tải những thông tin, sự kiện ngắn gọn, đơn giản tới bạn bè và người thân.	190111.0403a
Nguyên âm	Nguyên âm đơn	Nội dung dạy học ngữ âm ở cấp trung học phổ thông bao gồm: các nguyên âm đôi, phụ âm, tổ hợp phụ âm, trọng âm từ, dạng phát âm mạnh và dạng phát âm yếu, tỉnh lược âm, đồng hoá âm, nối âm, trọng âm câu, nhịp điệu, ngữ điệu..	190111.0501a
	Nguyên âm đôi		190111.0502a
Phụ âm	Phụ âm		190111.0601a
	Tổ hợp phụ âm		190111.0602a
Trọng âm	Trọng âm từ có 2 âm tiết		190111.0701a
	Trọng âm từ có 3 âm tiết		190111.0702a

ĐVKT1	ĐVKT2	KỸ NĂNG NGÔN NGỮ	MÃ ĐỊNH DANH
	Trọng âm của từ có nhiều âm tiết		190111.0703a
Các thì	Thì quá khứ đơn và hiện tại hoàn thành	Nội dung dạy học ngữ pháp ở cấp trung học phổ thông tiếp tục củng cố và mở rộng các nội dung đã học ở cấp tiểu học và cấp trung học cơ sở, bao gồm các cấu trúc phức vụ phát triển năng lực giao tiếp ở Bậc 3 như mệnh đề quan hệ, câu điều kiện (loại 2 và loại 3), câu chủ động, câu bị động, câu trực tiếp, câu gián tiếp, câu ghép, câu phức, thì hiện tại đơn, thì hiện tại tiếp diễn, thì hiện tại hoàn thành, thì quá khứ đơn, thì quá khứ tiếp diễn, thì quá khứ hoàn thành, thì tương lai đơn, thì tương lai tiếp diễn, thì tương lai gần, liên từ, động từ tình thái, ngữ động từ, thể bị động...	190111.0801a
Động từ	Động từ tình thái: must vs have to...		190111.0901a
	Động từ nối (be, seem, ...)		190111.0902a
	Động từ trạng thái dùng ở thì tiếp diễn		190111.0903a
Danh động từ	Danh động từ (dùng như chủ ngữ, như tân ngữ, ...)		190111.1001a
	Danh động từ hoàn thành và phân từ hoàn thành		190111.1002a
Phân từ và mệnh đề với động từ nguyên thể có to			190111.1101a
Từ nối			190111.1201a

ĐVKT1	ĐVKT2	KỸ NĂNG NGÔN NGỮ	MÃ ĐỊNH DANH
Cấu tạo từ (danh từ ghép)			190111.1301a
Câu chẻ	It is/was ... that + mệnh đề		190111.1401a
TIẾNG ANH 12			
Cuộc sống của chúng ta	Tốt nghiệp và chọn nghề	Nghe - Nghe hiểu và xác định nội dung chính, nội dung chi tiết trong các đoạn hội thoại, độc thoại khoảng 230 - 250 từ về những chủ đề thường gặp trong cuộc sống, công việc, học tập,... trong phạm vi Chương trình. - Nghe hiểu các hướng dẫn đơn giản như công thức nấu ăn, cách sử dụng các đồ dùng thông dụng... - Nghe hiểu và đoán nghĩa (thông qua biểu hiện thái độ, tình cảm của của người nói) trong các độc thoại, hội thoại quen thuộc của cuộc sống hằng ngày. - Nghe hiểu những ý chính trong các chương trình điểm tin, phát thanh, phỏng vấn,... về các đề tài quen thuộc được diễn đạt rõ ràng, bằng ngôn ngữ đơn giản, kèm hình ảnh minh họa. Nói - Phát âm rõ ràng, tương đối chính xác các từ có hoặc không có trọng âm, trọng âm câu, đồng hoá âm, nối âm. - Nói và tương tác với người đồng thoại về các chủ đề quen thuộc, thể hiện quan điểm cá nhân và trao đổi thông tin về các chủ đề quy định trong Chương trình. - Mô tả bằng các diễn ngôn đơn giản về các chủ đề quen thuộc, kể lại một câu chuyện ngắn có nội dung gần gũi với các chủ đề đã học.	190112.0101a
	Câu chuyện cuộc sống		190112.0102a
Xã hội của chúng ta	Đô thị hoá		190112.0201a
	Phương tiện truyền thông đại chúng		190112.0202a
	Đa dạng văn hoá		190112.0203a
Môi trường của chúng ta	Môi trường xanh		190112.0301a
Tương lai của chúng ta	Thế giới công việc		190112.0401a
	Trí tuệ nhân tạo		190112.0402a
	Học tập suốt đời		190112.0403a
Nguyên âm	Nguyên âm đôi		190112.0501a

ĐVKT1	ĐVKT2	KỸ NĂNG NGÔN NGỮ	MÃ ĐỊNH DANH
		- Trình bày các dự án một cách cơ bản, có chuẩn bị trước về các chủ đề được quy định trong Chương trình. Đọc - Đọc hiểu các ý chính, nội dung chi tiết của văn bản khoảng 280 - 300 từ về các chủ đề mang tính thời sự và quen thuộc. - Đọc hiểu mạch lập luận của văn bản, xác định được các kết luận chính trong các văn bản có sử dụng ngôn ngữ rõ ràng. - Đọc hiểu để tìm và tóm tắt các văn bản ngắn sử dụng hằng ngày như thư từ, tờ thông tin đơn giản, sử dụng các từ và cấu trúc từ văn bản gốc. Viết - Viết bài có tính liên kết, mạch lạc khoảng 180 - 200 từ; viết được các báo cáo ngắn, theo gợi ý, cung cấp những thông tin thực tế và nêu lý do cho những kiến nghị đưa ra trong báo cáo; tập hợp thông tin ngắn từ một vài nguồn và tóm tắt lại thông tin. - Hoàn thành (viết/điền) các biểu mẫu hành chính phổ biến như sơ yếu lý lịch, đơn xin việc... - Viết bài mô tả biểu đồ, biểu bảng đơn giản	
	Sự đồng hoá, nối nguyên âm với nguyên âm		190112.0502a
Từ đồng âm	Từ đồng âm	Nội dung dạy học ngữ âm ở cấp trung học phổ thông bao gồm: các nguyên âm đôi, phụ âm, tổ hợp phụ âm, trọng âm từ, dạng phát âm mạnh và dạng phát âm yếu, tính lược âm, đồng hoá âm, nối âm, trọng âm câu, nhịp điệu, ngữ điệu.	190112.0601a
Trọng âm	Các từ có trọng âm (trường hợp đặc biệt)		190112.0701a
	Các từ không mang trọng âm		190112.0702a

ĐVKT1	ĐVKT2	KỸ NĂNG NGÔN NGỮ	MÃ ĐỊNH DANH
	Trọng âm câu		190112.0703a
Ngữ điệu	Ngữ điệu câu hỏi		190112.0801a
Các thì	Thì hiện tại hoàn thành	Nội dung dạy học ngữ pháp ở cấp trung học phổ thông tiếp tục củng cố và mở rộng các nội dung đã học ở cấp tiểu học và cấp trung học cơ sở, bao gồm các cấu trúc phức vụ phát triển năng lực giao tiếp ở Bậc 3 như mệnh đề quan hệ, câu điều kiện (loại 2 và loại 3), câu chủ động, câu bị động, câu trực tiếp, câu gián tiếp, câu ghép, câu phức, thì hiện tại đơn, thì hiện tại tiếp diễn, thì hiện tại hoàn thành, thì quá khứ đơn, thì quá khứ tiếp diễn, thì quá khứ hoàn thành, thì tương lai đơn, thì tương lai tiếp diễn, thì tương lai gần, liên từ, động từ tình thái, ngữ động từ, thể bị động...	190112.0901a
	Thì quá khứ đơn và quá khứ tiếp diễn		190112.0902a
Cấu trúc câu	Câu đơn		190112.1001a
	Câu ghép		190112.1002a
	Câu phức		190112.1003a
Mệnh đề quan hệ	Mệnh đề quan hệ với which đề cập tới cả mệnh đề		190112.1101a
Câu so sánh	Câu so sánh kép dùng để diễn tả những điều đang thay đổi		190112.1201a
Câu tường thuật	Tường thuật câu mệnh lệnh		190112.1301a
	Tường thuật câu đề nghị, mời		190112.1302a
	Tường thuật câu khuyên nhủ		190112.1303a

ĐVKT1	ĐVKT2	KỸ NĂNG NGÔN NGỮ	MÃ ĐỊNH DANH
	Tường thuật câu hướng dẫn		190112.1304a
Mạo từ	Mạo từ xác định		190112.1401a
	Mạo từ không xác định		190112.1402a
Ngữ động từ	Ngữ động từ (gồm động từ, trạng từ và giới từ)		190112.1501a
Giới từ	Giới từ sau một số động từ		190112.1601a
Câu chỉ nguyên nhân	Chủ động		190112.1701a
	Bị động		190112.1702a
Mệnh đề trạng ngữ	Mệnh đề trạng ngữ chỉ điều kiện, so sánh		190112.1801a
	Mệnh đề trạng ngữ chỉ cách thức, kết quả		190112.1802a